

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
QUÝ 3 NĂM 2018**



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 09 năm 2018	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018	05 – 19
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng tài sản cố định hữu hình	20
6. Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	21

---

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

DVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.130.842.561.638</b>	<b>1.130.315.406.093</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>57.331.734.795</b>	<b>66.286.111.640</b>
1. Tiền	111		57.331.734.795	66.286.111.640
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>396.840.644.335</b>	<b>400.766.862.310</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	375.311.005.865	384.519.598.482
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10.241.951.346	11.165.088.797
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		12.613.806.779	6.408.294.686
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.3	(1.326.119.655)	(1.326.119.655)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.4	<b>646.731.973.091</b>	<b>625.357.879.584</b>
1. Hàng tồn kho	141		646.731.973.091	625.357.879.584
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.938.209.417</b>	<b>37.904.552.559</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	3.778.360.651	1.954.350.566
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		25.793.570.649	35.504.626.224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	366.278.117	445.575.769
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>393.477.125.360</b>	<b>283.005.863.730</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.000.000</b>	<b>8.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216		8.000.000	8.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>289.811.259.139</b>	<b>176.275.181.747</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	275.059.855.564	160.818.218.240
- Nguyên giá	222		329.369.232.182	204.358.207.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.309.376.618)	(43.539.989.048)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	14.751.403.575	15.456.963.507
- Nguyên giá	228		17.352.936.169	17.352.936.169
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.601.532.594)	(1.895.972.662)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>99.239.345.204</b>	<b>99.239.345.204</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.8	116.956.709.500	116.956.709.500
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	5.8	(17.717.364.296)	(17.717.364.296)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.418.521.017</b>	<b>7.483.336.779</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	4.418.521.017	7.483.336.779
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.524.319.686.998</b>	<b>1.413.321.269.823</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.095.370.290.438</b>	<b>1.018.706.320.521</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.095.370.290.438</b>	<b>1.018.706.320.521</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	154.045.169.531	100.150.389.002
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.10	128.816.167.631	55.505.782.421
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	8.248.355.351	6.657.817.097
4. Phải trả người lao động	314		4.914.047.646	5.137.308.032
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.529.417.533	207.131.261
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		5.593.751.025	7.321.717.915
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	792.223.381.721	843.726.174.793
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>428.949.396.560</b>	<b>394.614.949.302</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>428.949.396.560</b>	<b>394.614.949.302</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.133.990.000	233.424.330.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	63.704.711.919
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	4.249.042.783
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.815.406.560	93.236.864.600
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.467.309.815	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		69.348.096.745	93.236.864.600
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.524.319.686.998</b>	<b>1.413.321.269.823</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18... tháng 10... năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIẾN DŨNG

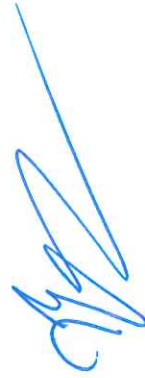


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	ĐVT: VND			
			Quý 3 năm 2018	Quý 3 năm 2017	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2018	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.147.679.155.533	963.643.141.999	3.315.833.539.526	2.808.847.528.921
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	1.626.363.636
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.147.679.155.533	963.643.141.999	3.315.833.539.526	2.807.221.165.285
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.077.649.462.152	908.974.247.162	3.149.168.662.723	2.703.877.921.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.029.693.381	54.668.894.837	166.664.876.803	103.343.244.025
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	131.228.588	42.303.686	372.554.937	95.750.199
7. Chi phí tài chính	22	6.4	13.661.505.065	10.109.885.367	30.879.821.131	23.688.885.151
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.661.505.065	10.108.447.952	30.826.986.559	24.520.655.462
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	26.138.246.907	21.420.872.181	77.483.290.868	62.498.527.978
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.896.008.576	7.730.249.932	30.422.617.127	24.061.432.092
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.465.161.421	15.450.191.043	28.251.702.614	(6.809.850.997)
11. Thu nhập khác	31	6.7	18.132.955.685	36.816.806.347	58.578.207.598	90.703.714.057
12. Chi phí khác	32		-	56.697.431	144.789.223	66.730.723
13. Lợi nhuận khác	40		18.625.266.845	36.760.108.916	58.433.418.375	90.636.983.334
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.090.428.266	52.210.299.959	86.685.120.989	83.827.132.337
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	8.018.085.503	10.474.996.666	17.337.024.244	16.832.820.959
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		32.072.342.763	41.735.303.293	69.348.096.745	66.994.311.378
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	-	-

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT




ĐỖ TIÊN DŨNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

DVT: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I	2	3	4	5
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		86.685.120.989	83.827.132.337
2. Điều chỉnh cho các khoản			41.251.666.406	37.660.098.281
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		20.920.561.435	19.157.329.745
- Các khoản dự phòng	03		-	(854.117.387)
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.372.855.754)	(5.163.769.539)
- Chi phí lãi vay	06		24.703.960.725	24.520.655.462
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		127.936.787.395	121.487.230.618
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		13.709.871.199	(181.364.071.367)
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10		(21.374.093.507)	(362.159.846.632)
- Giảm/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải)	11		126.784.301.310	(125.477.738.772)
- Giảm/tăng chi phí trả trước	12		1.240.805.677	(3.767.996.205)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(24.703.960.725)	(24.520.655.462)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(15.947.862.565)	(7.476.745.292)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(3.437.150.013)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>207.645.848.784</i>	<i>(586.716.973.125)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(286.973.426.904)	(142.444.920.792)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		156.517.088.894	90.251.818.183
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		372.554.937	95.750.199
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(130.083.783.073)</i>	<i>(52.097.352.410)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		3.403.165.247.193	2.920.426.894.994
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.454.668.040.265)	(2.269.505.156.762)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.013.649.484)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư tài chính</i>	40		<i>(86.516.442.556)</i>	<i>650.921.738.232</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i>	50		<i>(8.954.376.845)</i>	<i>12.107.412.697</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		66.286.111.640	29.021.135.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5.1	<b>57.331.734.795</b>	<b>41.128.547.989</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIẾN DŨNG



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rên, đúc, cán kéo kim loại, đập cắt, gỗ, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Cho thuê xe ô tô;
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty trong kỳ.

##### 6. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	76,20%	76,20%	76,20%
2. Công ty cổ phần sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe	92,72%	92,72%	92,72%

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
1. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	Số 2008 Võ Văn Kiệt, KP2, phường An Lạc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh tại Hà Nội	Số 46 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
3. Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh - Chi nhánh Kim Giang	Số 256, đường Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ tài chính Công ty có 497 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 513 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính riêng của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính riêng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), phương pháp bình quân gia quyền (đối với các loại hàng tồn kho còn lại) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 - 06 năm.

### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 11. **Vốn chủ sở hữu**

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

##### *Doanh thu bán hàng hoá: xe ô tô, phụ tùng,...*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

---

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô,...***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

#### **16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập DN hiện hành.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (đơn vị tính: VNĐ)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	7.984.208.832	16.701.908.067
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	49.347.525.963	49.584.203.573
<b>Cộng</b>	<b><u>57.331.734.795</u></b>	<b><u>66.286.111.640</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>16.446.777.983</i></b>	<b><i>45.043.390.114</i></b>
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	16.171.465.020	44.911.009.220
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	275.312.963	132.380.894
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>358.864.227.882</i></b>	<b><i>339.476.208.368</i></b>
- Công ty TNHH Mercedes-Benz Việt Nam	166.341.682.387	166.903.868.433
- Các khách hàng khác	192.522.545.495	172.572.339.935
<b>Cộng</b>	<b><u>375.311.005.865</u></b>	<b><u>384.519.598.482</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

### 3. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>650.000.000</i>	-		<i>650.000.000</i>	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (phải thu lãi cho vay)	Trên 3 năm	650.000.000	-	Từ 2 đến 3 năm	650.000.000	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>676.119.655</i>	-		<i>676.119.655</i>	-
<b>Cộng</b>		<b>1.326.119.655</b>	-		<b>1.326.119.655</b>	-

### 4. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	54.551.201.531	-	47.279.409.600	-
- Công cụ, dụng cụ	3.260.000	-	85.810.000	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8.711.541.265	-	11.745.828.396	-
- Hàng hóa	583.465.970.294	-	566.246.831.588	-
<b>Cộng</b>	<b>646.731.973.091</b>	-	<b>625.357.879.584</b>	-

### 5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ	474.681.910	816.352.937
- Phí bảo hiểm cháy nổ	203.912.500	223.875.000
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.099.766.241	914.122.629
<b>Cộng</b>	<b>3.778.360.651</b>	<b>1.954.350.566</b>

#### 5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa văn phòng	1.294.040.156	1.848.742.116
- Công cụ, dụng cụ	2.682.757.076	4.491.400.679
- Chi phí thuê server FPT	18.000.000	99.000.000
- Chi phí trả trước dài hạn khác	423.723.786	1.044.193.984
<b>Cộng</b>	<b>4.418.521.017</b>	<b>7.483.336.779</b>

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết xem phụ lục số 01 – Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.797.580.000	5.706.519.369	17.352.936.169
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	568.841.265	1.327.131.397	1.895.972.662
Tăng trong năm	-	41.963.697	663.596.235	705.559.932
- Khấu hao trong kỳ	-	41.963.697	663.596.235	705.559.932
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	610.804.962	1.990.727.632	2.601.532.594
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	8.848.836.800	2.228.738.735	4.379.387.972	15.456.963.507
Số cuối kỳ	8.848.836.800	2.186.775.038	3.715.791.737	14.751.403.575

**8. Đầu tư tài chính dài hạn****8a. Đầu tư góp vốn vào công ty con**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ <sup>(1)</sup>	22.561.150.000	9.278.018.469	(13.283.131.531)	22.561.150.000	9.278.018.469	(13.283.131.531)
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM <sup>(2)</sup>	94.395.559.500	89.961.326.735	(4.434.232.765)	94.395.559.500	89.961.326.735	(4.434.232.765)
<b>Cộng</b>	<b>116.956.709.500</b>	<b>99.239.345.204</b>	<b>(17.717.364.296)</b>	<b>116.956.709.500</b>	<b>99.239.345.204</b>	<b>(17.717.364.296)</b>

(1) Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ là 76,20%.

(2) Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu phổ thông tự do chuyển nhượng thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM theo tờ trình số 01/2016/TTr-HĐQT ngày 19 tháng 03 năm 2016 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2016. Theo đó, sau khi hoàn thành phát hành, Công ty đã trở thành công ty mẹ, sở hữu 92,72% vốn góp của Công ty cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, tỷ lệ lợi ích/quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 92,72%.

**8b. Dự phòng cho các khoản đầu tư công ty con**

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Kỳ này
Số đầu năm	(17.717.364.296)
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối kỳ	(17.717.364.296)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**8c. Giao dịch với các công ty con**

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	
+ Doanh thu bán phụ tùng và máy móc	1.198.174.640
+ Chi phí dịch vụ khác	154.407.679
	<u>Kỳ này</u>
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	
+ Doanh thu bán xe	48.757.636.366
+ Chi phí thuê mặt bằng	2.372.727.268

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>477.620.805</b>	<b>716.422.775</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	7.620.805	81.007.322
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	470.000.000	635.415.453
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>153.567.548.726</b>	<b>99.433.966.227</b>
- Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam	145.595.936.294	92.177.358.079
- Các nhà cung cấp khác	7.971.612.432	7.256.608.148
<b>Cộng</b>	<b><u>154.045.169.531</u></b>	<b><u>100.150.389.002</u></b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Các khoản trả trước của khách hàng là các ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT tiêu thụ nội địa	-	18.741.677		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.628.923.824	-	8.018.085.503	
- Thuế thu nhập cá nhân	28.893.273	-	230.269.848	
- Tiền thuê đất	-	426.834.092		366.278.117
<b>Cộng</b>	<b><u>6.657.817.097</u></b>	<b><u>445.575.769</u></b>	<b><u>8.248.355.351</u></b>	<b><u>366.278.117</u></b>

**11a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Thu nhập tính thuế	86.685.120.989
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>17.337.024.244</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>17.337.024.244</u></b>

**12. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	792.223.381.721	792.223.381.721	843.726.174.793	843.726.174.793
<b>Cộng</b>	<b>792.223.381.721</b>	<b>792.223.381.721</b>	<b>843.726.174.793</b>	<b>843.726.174.793</b>

**13. Vốn chủ sở hữu****13a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm.

**13b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Đỗ Tiến Dũng	83.528.340.000	23,86%	50.685.560.000	21,71%
- Bà Vũ Thị Hạnh	54.530.960.000	15,57%	29.687.310.000	12,72%
- Các cổ đông khác	212.074.690.000	60,57%	153.051.460.000	65,57%
<b>Cộng</b>	<b>350.133.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>233.424.330.000</b>	<b>100%</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	350.133.990.000	350.133.990.000	-
<b>Cộng</b>	<b>350.133.990.000</b>	<b>350.133.990.000</b>	<b>-</b>

**13c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	233.424.330.000	142.315.340.000
+ Vốn góp tăng trong năm	116.709.660.000	91.108.990.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	350.133.990.000	233.424.330.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	151.723.309.484	-

**13d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	35.013.399	23.342.433
- Cổ phiếu phổ thông	35.013.399	23.342.433
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.013.399	23.342.433
- Cổ phiếu phổ thông	35.013.399	23.342.433

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**13e. Các quỹ của doanh nghiệp**

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (đơn vị tính: VND)****1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu kinh doanh xe	3.095.458.711.031	2.670.994.610.825
- Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	216.861.517.573	135.177.490.342
- Doanh thu hoạt động khác	3.513.310.922	2.675.427.754
<b>Cộng</b>	<b><u>3.315.833.539.526</u></b>	<b><u>2.808.847.528.921</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Giá vốn kinh doanh xe	2.952.688.442.358	2.582.303.197.522
- Giá vốn dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	196.480.220.365	121.487.715.557
- Giá vốn hoạt động khác	-	87.008.181
<b>Cộng</b>	<b><u>3.149.168.662.723</u></b>	<b><u>2.703.877.921.260</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**  
Chủ yếu là lãi tiền gửi không kỳ hạn.**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lãi tiền vay	30.826.986.559	24.520.655.462
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	(854.117.387)
- Chi phí tài chính khác	52.834.572	22.347.076
<b>Cộng</b>	<b><u>30.879.821.131</u></b>	<b><u>23.688.885.151</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	28.580.507.982	20.572.724.042
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.709.382.622	13.649.875.854
- Các chi phí khác	34.193.400.264	28.275.928.082
<b>Cộng</b>	<b><u>77.483.290.868</u></b>	<b><u>62.498.527.978</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	16.508.103.022	12.082.005.204
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.611.487.692	3.743.120.014
- Các chi phí khác	9.303.026.413	8.236.306.874
<b>Cộng</b>	<b><u>30.422.617.127</u></b>	<b><u>24.061.432.092</u></b>

### 7. Thu nhập khác

Chủ yếu là thu nhập từ tiền thưởng đạt chỉ tiêu bán hàng và hỗ trợ từ Mercedes-Benz Việt Nam

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh vì đây là Công ty mẹ, và được trình bày trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn theo quy định tại khoản 3.19, điều 113 của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)

### 1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lương và thu nhập khác	3.090.600.000	2.622.440.000

#### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### Bên liên quan khác

1. Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ

##### Mối quan hệ

Là công ty con của Công ty, chiếm 76,20% cổ phần

2. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM

Là công ty con của Công ty, chiếm 92,72% cổ phần



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018

**3. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

ĐỖ TIỀN DŨNG

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	56.117.977.347	23.709.614.784	119.306.887.318	3.193.662.375	2.030.065.464	204.358.207.288
Tăng trong kỳ	1.941.907.765	941.615.208	294.149.508.908	520.979.773	-	297.554.011.654
- Mua trong kỳ	1.941.907.765	941.615.208	294.149.508.908	520.979.773	-	297.554.011.654
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	(172.542.986.760)	-	-	(172.542.986.760)
- Giảm do hường chiết khấu	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(172.542.986.760)	-	-	(172.542.986.760)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	58.059.885.112	24.651.229.992	240.913.409.466	3.714.642.148	2.030.065.464	329.369.232.182
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu kỳ	21.934.729.970	13.190.799.393	4.616.181.206	2.770.140.828	1.028.137.651	43.539.989.048
Tăng trong kỳ	3.525.083.698	2.277.500.876	12.776.314.804	1.137.365.479	502.072.305	20.218.337.162
- Khấu hao trong kỳ	3.525.083.698	2.277.500.876	12.776.314.804	1.137.365.479	502.072.305	20.218.337.162
Giảm trong kỳ	-	-	(9.448.949.592)	-	-	(9.448.949.592)
- Thanh lý, nhượng kỳ	-	-	(9.448.949.592)	-	-	(9.448.949.592)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	25.459.813.668	15.468.300.269	7.943.546.418	3.907.506.307	1.530.209.956	54.309.376.618
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	34.183.247.377	10.518.815.391	114.690.706.112	423.521.547	1.001.927.813	160.818.218.240
Số cuối kỳ	32.600.071.444	9.182.929.723	232.969.863.048	(192.864.159)	499.855.508	275.059.855.564

Người lập biểu

  
 NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng

  
 HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT





**PHỤ LỤC SỐ 02: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

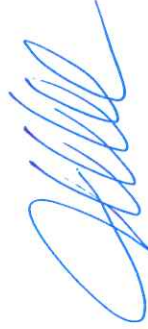
Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	142.315.340.000	63.704.711.919	7.686.192.796	87.671.839.987	301.378.084.702
2. Tăng trong năm trước	91.108.990.000	-	-	93.236.864.600	184.345.854.600
- Lãi trong năm	-	-	-	93.236.864.600	93.236.864.600
- Tăng vốn từ phát hành cổ phiếu	91.108.990.000	-	-	-	91.108.990.000
3. Giảm trong năm trước	-	-	(3.437.150.013)	(87.671.839.987)	(91.108.990.000)
- Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	-	-	-	(87.671.839.987)	(87.671.839.987)
- Tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(3.437.150.013)	-	(3.437.150.013)
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	233.424.330.000	63.704.711.919	4.249.042.783	93.236.864.600	394.614.949.302
5. Tăng trong kỳ	116.709.660.000	-	-	69.348.096.745	186.057.756.745
- Lãi trong kỳ	-	-	-	69.348.096.745	69.348.096.745
- Bổ sung vốn từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế	116.709.660.000	-	-	-	116.709.660.000
6. Giảm trong kỳ	-	(63.704.711.919)	(4.249.042.783)	(83.769.554.782)	(151.723.309.484)
- Chi trả cổ tức bằng tiền trong kỳ	-	-	-	(35.013.649.484)	(35.013.649.484)
- Chi cổ tức bằng cổ phiếu	-	(63.704.711.919)	(4.249.042.783)	(48.755.905.298)	(116.709.660.000)
7. Số dư cuối kỳ	350.133.990.000	-	-	78.815.406.560	428.949.396.560

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Kế toán trưởng



HOÀNG THỊ MINH NGUYỆT

M.S.D.N: 0000220122 Chi Minh, ngày 18 tháng 10 năm 2018  
 Tổng Giám đốc

